



HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ GẮN VỚI QUẢN LÝ RỦI RO TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

✍️ TS. Đào Minh Phúc và ThS. Lê Văn Hình *

Một trong những mục tiêu quan trọng của cơ cấu lại ngân hàng tại Việt Nam hiện nay là đảm bảo hệ thống ngân hàng hoạt động lành mạnh, an toàn và sử dụng các nguồn lực có hiệu quả. Do đó, một trong số các vấn đề cần giải quyết tốt là tăng cường, nâng cao hiệu quả của công tác quản trị rủi ro, mà cụ thể là củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ đi đôi với tăng cường quản lý rủi ro trong các NHTM, tổ chức tín dụng. Mặt khác, trong điều kiện thị trường tài chính Việt Nam đang hội nhập quốc tế sâu rộng thì nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trong các NHTM càng phải được coi trọng hơn bao giờ hết.

1. Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro đối với NHTM

Theo Thông tư số 44/2011/TT-NHNN ngày 29/12/2011 của Thống đốc NHNN Quy định về

hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thì một trong những nhiệm vụ rất quan trọng của công tác kiểm soát nội bộ là bảo đảm cho việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro qua đó đạt được yêu cầu đề ra về kinh doanh của NHTM.

1.1. Những rủi ro và những yếu tố quyết định tính chất rủi ro đối với NHTM

Kinh doanh ngân hàng là kinh doanh đặc biệt bởi tính chất và mức độ rủi ro cao. Thực tế đã chỉ ra rất nhiều loại rủi ro mà NHTM có thể phải đối mặt. Các loại rủi ro có thể phân loại như sau: Rủi ro tài chính; Rủi ro hoạt động; Rủi ro thị trường kinh doanh; Rủi ro bất thường. (Hình 1)

NHTM với những hoạt động kinh doanh hết sức nhạy cảm với môi trường kinh tế. NHTM chịu sự tác động rất lớn của những biến động kinh tế vĩ mô (phạm vi

quốc gia và quốc tế, bao gồm cả yếu tố chu kỳ kinh tế); trên quan điểm đánh giá rủi ro, người ta cho rằng, khi môi trường thay đổi thì tính chất rủi ro cũng thay đổi; mặt khác các yếu tố bên trong ngân hàng nếu có sự thay đổi phù hợp (về trình độ quản lý nhất là đội ngũ kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro, công nghệ, vốn,...) thì năng lực đối phó với các rủi ro của ngân hàng cũng trở nên tốt hơn...

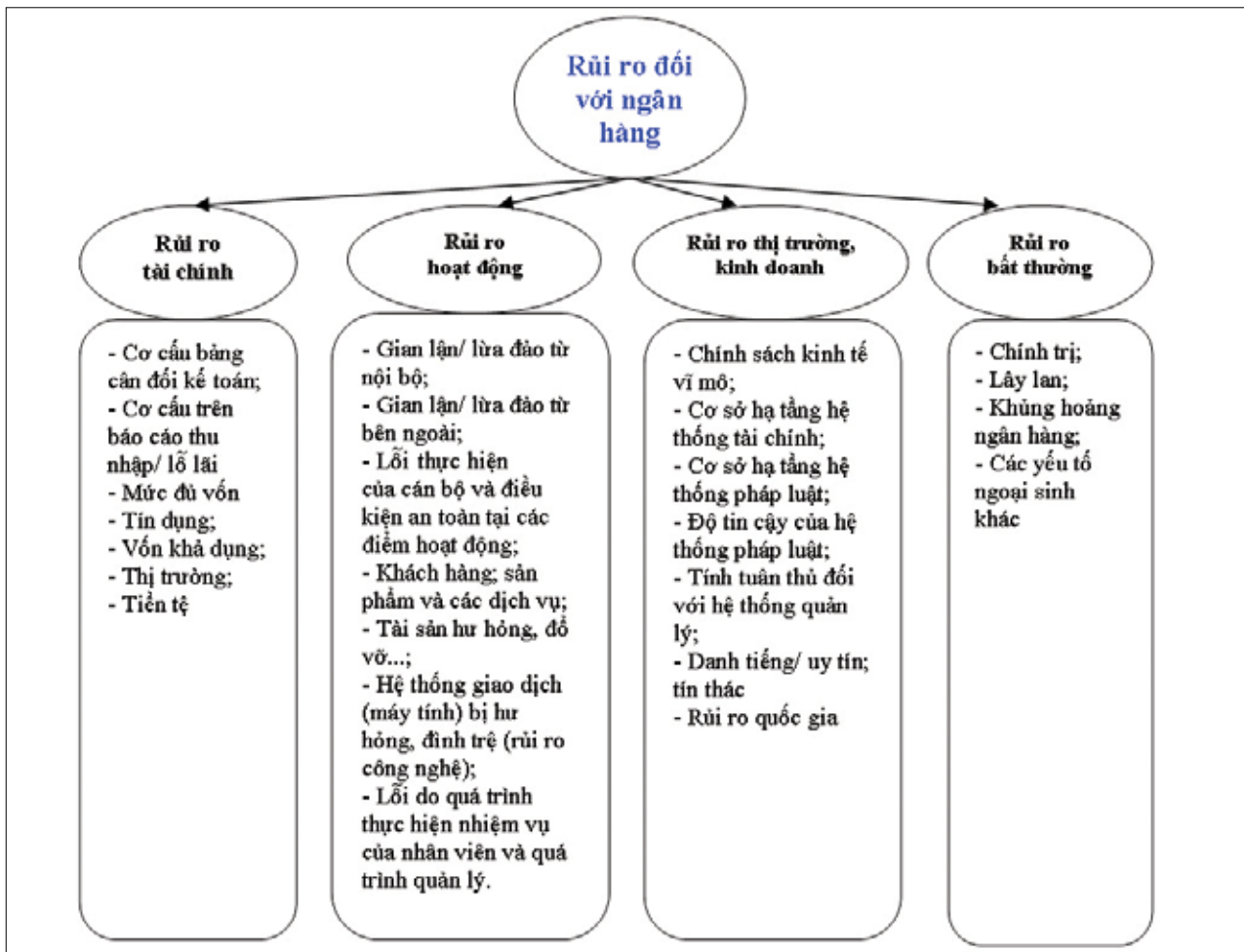
Xét trên phạm vi quốc tế, kết quả khảo sát của Ngân hàng Thanh toán quốc tế (BIS,2006) đã đưa ra kết luận rất đáng quan tâm, đó là: Tính chất rủi ro mới đối với các ngân hàng trên phạm vi toàn thế giới đã “thay đổi” đáng kể cho dù cái tên về rủi ro và vẫn “cũ”. Trong đó, điều này được thể hiện đặc biệt một số vấn đề sau: (Đồ thị 1)

- Rủi ro kinh tế vĩ mô đối với ngân hàng tại các nền kinh tế mới nổi là lớn hơn rất nhiều so

* Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



Hình 1: Khái quát rủi ro của NHTM (Hennie Van Greuning và Sona Brajovic Bratnovic, 2003)



với ở các nền kinh tế phát triển. Nguyên nhân là khả năng hạn chế duy trì các cân đối ở các nền kinh tế này trước các diễn biến về giá cả nhiều mặt hàng quan trọng trên thị trường thế giới biến động thất thường; hay sự tác động của các diễn biến kinh tế vĩ mô của nền kinh tế Hoa Kỳ đến các nước nhỏ, phụ thuộc vào Hoa Kỳ. Các cú sốc đối khu vực ngân hàng là rộng hơn và mức độ tác động lớn hơn trước kia khá nhiều.

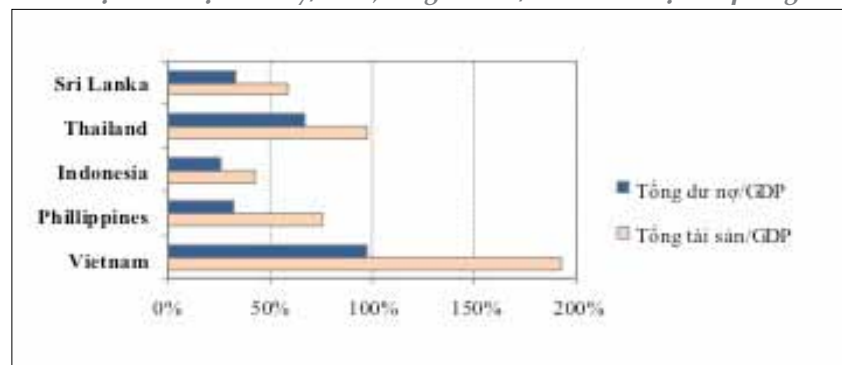
- Về rủi ro tín dụng trên phạm vi toàn thế giới: Tín dụng cho khu vực hộ gia đình, tín dụng tiêu dùng đang gia tăng đáng kể trên toàn thế giới. Trước các diễn biến về kinh tế vĩ mô, giá tài sản có sự thay đổi nhiều, điều này đã mang

lại các rủi ro đối với rủi ro tín dụng; Rủi ro đối với danh mục tín dụng ngân hàng trên sổ sách do giá tài sản (chứng khoán, nhà đất,..) có sự thay đổi quá nhiều. Cuộc khủng hoảng tín dụng cho vay thế chấp nhà ở Hoa Kỳ năm 2008 (khủng

hoảng tín dụng dưới chuẩn) là một minh chứng cho rủi ro này.

Cũng chính từ cuộc khủng hoảng ở Mỹ, các mô hình ngân hàng hướng tới các “hoạt động ngoại bảng” và sự phát triển của các công cụ mới, các công cụ phái

Đô thị 1: Dư nợ cho vay/GDP, tổng tài sản/GDP của một số quốc gia



Nguồn: UBGSTCQG, Fitchratings 11/2011



sinh, các “sáng tạo tài chính” hay sự thần kỳ của chứng khoán hóa các khoản vay cũng như hoạt động trên cơ sở đòn bẩy tài chính rất cao đã vô hiệu hóa các cơ quan kiểm soát rủi ro của NHTM mà trước tiên là hoạt động kiểm soát nội bộ. Như vậy, bài học rút ra là các rủi ro ngoại bảng cần quan tâm thì công tác kiểm soát nội bộ cũng cần phải xem xét, tăng cường và hoàn thiện quy trình kiểm soát của mình một cách cẩn trọng đối với cả các tài sản ngoại bảng.

1.2. Kiểm soát nội bộ và tính chất mới của rủi ro trong kinh doanh ngân hàng

Đối với hệ thống NHTM Việt Nam, những diễn biến mấy năm qua cho thấy, tính chất rủi ro trong hoạt động ngân hàng dường như đã thay đổi và do đó ngân hàng, mà trước tiên là bộ phận kiểm soát nội bộ cần phải nhận diện sự thay đổi này. Những tính chất mới này có thể là do điều kiện nền kinh tế, hệ thống tài chính ngân hàng Việt Nam đã phát triển ở mức cao hơn về chiều sâu, do tính đa dạng và mức độ phức tạp hơn, do có sự hội nhập quốc tế sâu rộng hơn.

- *Tăng trưởng kinh tế dựa quá nhiều vào vốn và rủi ro ngân hàng.* Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đã liên tục và kiên trì với công cuộc “Đổi mới”. Chủ trương tăng trưởng cao đã được Chính phủ điều hành khá kiên định trong thời gian dài nên Việt Nam đã đạt được tăng trưởng kinh tế cao trong nhiều năm với nhiều thành tựu nổi bật khác như tỷ lệ đói nghèo được giảm đi đáng kể. Tuy nhiên, sự tăng trưởng cao này trong điều kiện nền kinh tế thiếu vốn thì lẽ đương nhiên hệ thống ngân hàng Việt Nam chắc chắn chịu sức ép rất lớn về vốn và luôn căng thẳng



Trong điều kiện thị trường tài chính Việt Nam đang hội nhập quốc tế sâu rộng thì nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trong các NHTM càng phải được coi trọng hơn bao giờ hết

về vốn. Trên thực tế trong thời kỳ tăng trưởng kinh tế cao thì khu vực ngân hàng thường cho vay cũng rất cao. Ngân hàng phải cho vay ở mức cao so với huy động và do đó, các ngân hàng thường xuyên phải đối mặt với tình trạng thanh khoản kém. Trong những năm mới tới, cho dù mục tiêu tăng trưởng dự kiến sẽ ở mức hợp lý hơn (là 5 - 6%) nhưng yêu cầu về vốn vẫn đè nặng lên hệ thống ngân hàng do thị trường chứng khoán còn sơ khai, ngân hàng vẫn đang phải gồng mình thực hiện vai trò chủ yếu cung ứng vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế.

- *Hội nhập sâu và rộng hơn và cùng với nó rủi ro ngân hàng cũng gia tăng.*

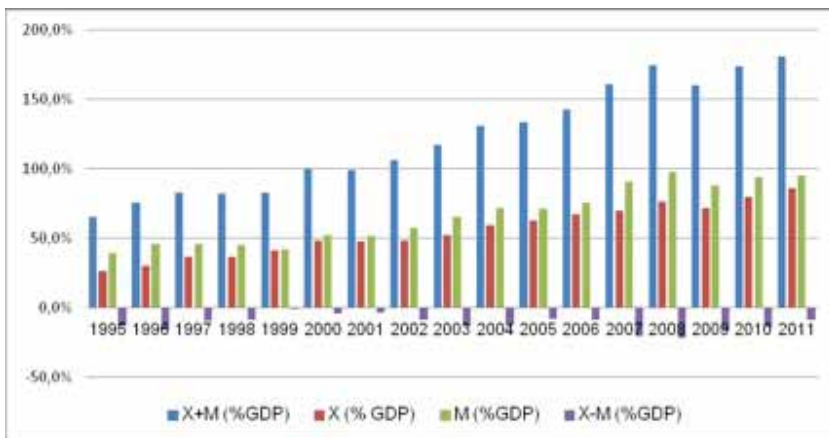
Nếu so với những năm 1990, đến nay, mức độ mở thương mại quốc tế của Việt Nam đã khá lớn: Độ mở thương mại quốc tế (xuất khẩu + nhập khẩu) chiếm khoảng 180% GDP. Điều đáng quan tâm là có giai đoạn thâm hụt thương mại của Việt Nam là khá cao: *Nếu năm 2006 thâm hụt thương mại*

là 5 tỷ USD; thì năm 2007 thâm hụt thương mại khoảng 14 tỷ USD; năm 2008 thâm hụt thương mại lên tới trên 17,5 tỷ USD... Năm 2012, mức độ nhập siêu giảm đi đáng kể nhưng việc này phản ánh sự giảm sút của nền sản xuất và dường như không phải do sự cải thiện nhiều về hoạt động xuất khẩu. Trong điều kiện đó, hệ thống ngân hàng đã trở nên nhạy cảm rất lớn với các biến động của môi trường bên ngoài.

Riêng khu vực thị trường tài chính Việt Nam cũng đã mở cửa đáng kể. Từ khi Việt Nam gia nhập WTO và theo cam kết, khu vực ngân hàng đã được mở cửa khá nhanh. *Các ngân hàng 100 vốn nước ngoài đã được phép thành lập ở Việt Nam; Các chi nhánh ngân hàng nước ngoài hiện đã được hoạt động tiền VND rộng hơn những năm 1995-2005 rất nhiều (như mức độ huy động VND, đặt ATM ngoài trụ sở chính,...). Nhà đầu tư nước ngoài cũng được tham gia mua cổ phần của các doanh nghiệp trong nước lên tới 49% tổng vốn chủ sở hữu;*



Đồ thị số 2: Việt Nam - Độ mở nền kinh tế



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam và Việt Nam qua các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp của hệ thống tài khoản SNA

Riêng đối với khu vực ngân hàng, mức tham gia của nhà đầu tư nước ngoài hiện còn hạn chế ở tỷ lệ 30% (nhưng rất có thể, trong quá trình cơ cấu lại khu vực ngân hàng, có thể các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào khu vực ngân hàng với tỷ lệ cao hơn). (Đồ thị 2)

Cũng ngay từ năm 2007, Việt Nam đã có được dòng ngoại tệ chảy vào khá lớn. Tuy nhiên, thực tế đã cho thấy khả năng hấp thụ và quản lý dòng vốn vào lại là một điểm đáng quan ngại ở cả khu vực ngân hàng, khu vực doanh nghiệp và hơn thế nữa là ở góc độ vĩ mô: Dự trữ ngoại hối quốc gia biến động, bong bóng giá bất động sản, bong bóng giá chứng khoán, sự bùng nổ tiêu dùng, bùng nổ tín dụng.

Trên thực tế, nhiều ngân hàng đã đối mặt với mức độ rủi ro ngoại hối cao do năng lực của bộ phận quản lý rủi ro cũng như của kiểm soát nội bộ của các ngân hàng đã tỏ ra yếu kém, bất cập trước các loại rủi ro mới liên quan đến các giao dịch ngoại hối của ngân hàng.

- *Mức độ phát triển của khu vực tài chính tiền tệ quá nóng so với năng lực giám sát, quản lý và*

kiểm soát nội bộ của ngân hàng.

Đến nay, khu vực tài chính tiền tệ Việt Nam đã có mức tăng trưởng rất mạnh so với đầu năm 2000 và xa hơn nữa là so với năm 1990. Các NHTM đã có tăng trưởng tài sản và tăng trưởng tín dụng rất mạnh (thậm chí một số NHTM ở mức quá nóng. Đầu năm 1990, tín dụng cho nền kinh tế chỉ đạt 17% GDP, năm 2000 ước tỷ lệ này đạt khoảng 50% GDP; tuy nhiên, năm 2012 con số này đã khoảng trên dưới 130% GDP... Tốc độ tăng trưởng tín dụng trung bình hàng năm mấy năm qua (trước năm 2012) là 30%; Riêng năm 2007, con số tăng trưởng tín dụng ước khoảng 54% so với 2006. Tài sản Có của

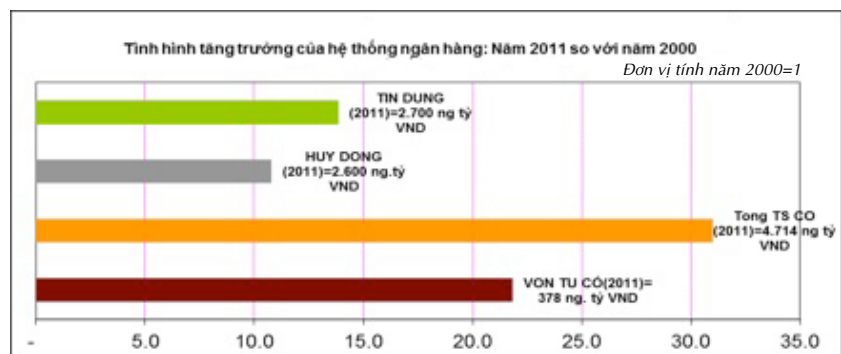
các NHTM cũng tăng theo tốc độ “nóng” tương ứng; Tốc độ tiền tệ hóa nền kinh tế (M2) cũng tăng chóng mặt: hiện tại M2/GDP ước khoảng 110% trong khi tỷ lệ này vào năm 1990 chỉ khoảng trên 20% GDP.

Sự phát triển nhanh chóng của các NHTM, đi đôi với sự ra đời và bùng nổ của thị trường chứng khoán (chuyển giao cổ phần - hay sở hữu ngân hàng trở nên dễ dàng hơn, nhanh hơn và hấp dẫn hơn, liên quan đến quyền lợi và lợi ích lớn hơn...). Quan sát thị trường cho thấy, tình trạng này đã làm cho diễn biến về sở hữu ngân hàng trở nên vô cùng phức tạp. Trên thực tế, thời gian qua ở khu vực ngân hàng Việt Nam, nhiều khái niệm mới đã được hình thành hay ra đời như “*lợi ích nhóm*” trong ngân hàng, “*sở hữu chéo*” trong ngân hàng; gian lận ngân hàng, thâm tóm ngân hàng, vốn ảo, tập đoàn tài chính ngân hàng - doanh nghiệp sản xuất (quan hệ chằng chịt về kinh tế, về kế toán tài chính và về mặt lợi ích giữa các bên có liên quan)... (Đồ thị 3)

- *Thị trường chứng khoán là thách thức và sản phẩm mới đối với kiểm soát nội bộ ngân hàng.*

Thực tế cho thấy, thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển

Đồ thị số 3: Quy mô thị trường tài chính ngân hàng thay đổi sau 10 năm



Nguồn: Tính toán của tác giả trên cơ sở số liệu ước tính



khá mong manh và chưa hỗ trợ tốt cho khu vực ngân hàng. Khi chưa có thị trường chứng khoán, chúng ta vẫn kỳ vọng vào sự ra đời của thị trường chứng khoán và thị trường này sẽ hỗ trợ, giảm áp lực vốn và giảm thiểu rủi ro cho khu vực ngân hàng, tăng khả năng quản lý rủi ro cho các ngân hàng thương mại và tăng thanh khoản cho nền kinh tế.

Tuy nhiên, sự phát triển quá nhanh của thị trường so với năng lực giám sát và quản lý phù hợp thì tác dụng hỗ trợ của thị trường chứng khoán cho khu vực ngân hàng dường như rất ít, thậm chí làm tăng rủi ro cho khu vực ngân hàng. Các chính sách của NHNN trong thời gian qua hướng tới hạn chế hay kiểm soát chặt chẽ việc cho vay đầu tư chứng khoán và bất động sản là phản ánh quan điểm của cơ quan lập chính sách nhận định, đánh giá về tác động tiêu cực của thị trường chứng khoán đến khu vực ngân hàng. Những năm 2007-2008, dư nợ cho vay chứng khoán của khu vực ngân hàng lên khá cao; có NHTM lên tới 30% tổng dư nợ; Sau các chính sách hạn chế cho vay chứng khoán của NHNN, các chỉ số VNIndex giảm rất mạnh. Những giải pháp mà NHNN đưa ra là giới hạn dư nợ cho vay chứng khoán và bất động sản ở mức dưới 20% tổng dư

nợ và tăng hệ số rủi ro đối với tài sản là chứng khoán và bất động sản lên mức rủi ro nhất 250% (điểm 5.5 Thông tư 13/2010/TT-NHNN). Các sản phẩm mới của thị trường chứng khoán (niêm yết và chưa niêm yết) trên bảng cân đối kế toán và các giao dịch về chứng khoán (trực tiếp là chứng khoán, chứng khoán hóa, cầm cố chứng khoán...) của ngân hàng đã và đang trở nên thách thức rất lớn đối với công tác quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ của ngân hàng. (Đồ thị 4)

1.3. Một số đánh giá về công tác kiểm soát nội bộ tại NHTM Việt Nam

Trên thực tế, có rất ít các đánh giá chính thức về hệ thống kiểm soát nội bộ ở các NHTM Việt Nam. Điều này có thể lý giải là do nhiều người nhấn mạnh về tính chất nội bộ của kiểm soát nội bộ. Tuy nhiên, trong hệ thống kiểm soát, giám sát ngân hàng, thì kiểm soát nội bộ ngân hàng là khá quan trọng và nó được coi như một cấu phần của hệ thống quản trị ngân hàng. Trên góc độ đó, từ các thông tin, dấu hiệu về quản lý, chúng ta có thể đánh giá kiểm soát nội bộ trong các NHTM Việt Nam ở một số phương diện nhất định.

- Công tác kiểm soát nội bộ (đặc biệt là trình độ cán bộ làm công

tác kiểm soát nội bộ) không theo kịp sự phát triển quá nhanh của các hoạt động kinh doanh ngân hàng.

Về quy mô kiểm soát nội bộ, như trên đã nêu, sự phát triển của khu vực ngân hàng, doanh nghiệp (nhất là dạng tập đoàn ngân hàng, tài chính, doanh nghiệp theo mô hình: ngân hàng + công ty chứng khoán + công ty tài chính + công ty vàng + công ty bất động sản hay địa ốc + ...) thực sự đang là thách thức đối với quản lý nói chung và kiểm soát nội bộ nói riêng trong không chỉ ở các NHTM mà trong ngay cả các doanh nghiệp nói chung.

Ngoài ra, các công cụ tài chính được sử dụng mới tại Việt Nam cũng là thách thức lớn đối với kiểm soát nội bộ của ngân hàng. Thực tế cho thấy, có rất nhiều kiểm soát viên còn khá non kém (hoặc rất mơ hồ) về các sản phẩm mới của thị trường tài chính như: “chứng khoán hóa”, “công cụ phái sinh”, “ngành vụ ký quỹ”... Tình trạng các ngân hàng với mạng lưới các công ty con (sở hữu chéo, cùng lợi ích) sử dụng các công cụ tài chính kết hợp rất phức tạp (như phát hành trái phiếu doanh nghiệp, ủy thác đầu tư qua các công ty con...) thời gian qua đã xuất hiện khá nhiều ở Việt Nam. Tình trạng này đã từng làm vô hiệu hóa hoạt động giám sát và kiểm soát nội bộ của ngân hàng.

- Thiếu hụt về nguồn nhân lực trong công tác kiểm soát nội bộ ngân hàng.

Bên cạnh sự yếu kém và không theo kịp về chất lượng của cán bộ làm công tác kiểm soát nội bộ, số lượng cán bộ làm công tác này cũng đang có dấu hiệu thiếu hụt trầm trọng. Như trên đã phân tích và thực tế hoạt động ngân hàng

Đồ thị số 4: Tình hình phát triển của TTCK Việt Nam

Đơn vị tính: Nghìn tỷ VND



Nguồn: Bộ Tài chính 2001 và Trần Đức Sinh 2012



thời gian 2005-2010 cho thấy, số lượng các định chế và số lượng chi nhánh cũng tăng rất mạnh (nhất là các NHTMCP). Sự gia tăng về tài sản, cho vay và số lượng như vậy đã có thời kỳ dẫn đến khả năng giám sát, quản lý của các cơ quan và bản thân ngân hàng cũng không theo kịp. Tình trạng ngân hàng thiếu cán bộ nói chung, nhất là cán bộ thực hiện công tác kiểm soát nội bộ ở các NHTM là một vấn đề đáng quan tâm trong hệ thống tài chính vừa qua.

- Hệ thống kiểm soát nội bộ và các định chế giám sát khác tại một số ngân hàng có dấu hiệu bị “vô hiệu hóa”.

Thời gian qua, nổi lên vấn đề đáng quan tâm liên quan đến mô hình quản trị tại các doanh nghiệp nói chung và cả ngân hàng. Có khá nhiều dấu hiệu thể hiện sự yếu kém của hệ thống quản trị. Tình hình sở hữu chéo trong các NHTMCP là tình trạng được dư luận hết sức quan tâm và là tình trạng đáng quan ngại. Điều này đã phản ánh phần nào về tính kém hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ ở các NHTM thời gian vừa qua.

Các dấu hiệu khác về sự yếu kém trong quản trị tại các ngân hàng có thể đã làm hạn chế vai trò của kiểm soát nội bộ. Việc không đảm bảo tính độc lập tương đối của kiểm soát nội bộ trong các ngân hàng, như vấn đề mô hình “công ty gia đình” (bao gồm những người thân trong gia đình nắm giữ các chức vụ quan trọng) trong các ngân hàng rất có thể đã đưa đến các rủi ro rất lớn trong các ngân hàng. Hiện tượng sở hữu chéo mà dư luận đề cập gần đây, trước tiên làm cho các cơ quan giám sát khó có thể đánh giá và định lượng được mức độ an toàn vốn thực tế là bao

hiệu (cho dù theo báo cáo là khá cao). Các nguyên tắc về giới hạn cho vay cổ đông tại các ngân hàng đang bị mô hình quản trị tại các ngân hàng hiện nay làm vô hiệu hóa qua phương thức đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp (không được định mức tín nhiệm) và thêm vào đó là cơ chế sở hữu chéo giữa các NHTMCP hiện nay... Tuy chưa có nhiều nghiên cứu về vấn đề này, nhưng chúng tôi cho rằng tình trạng này cũng đã phản ánh phần nào chức năng của hệ thống kiểm soát nội bộ trong ngân hàng (cùng với các cơ chế giám sát khác) là kém hiệu quả hay trầm trọng hơn là đang bị vô hiệu hóa.

Một vấn đề hiện được dư luận đang quan tâm đó là sự khác biệt giữ tỷ lệ nợ xấu do các NHTM báo cáo ở mức quá thấp so với số liệu công bố của thanh tra NHNN. Có thể có nhiều lý do để giải thích về sự khác biệt này; tuy nhiên từ góc độ kiểm soát rủi ro, tình trạng này cũng đã phản ánh phần nào vai trò, chức năng kiểm soát nội bộ tại các NHTM kém hiệu quả.

- Kiểm soát nội bộ, mâu thuẫn và xung đột lợi ích.

Ngay tại các NHTM Nhà nước mới cổ phần hóa Nhà nước giữ tỷ lệ cổ phần chi phối, nhưng lại hoạt động theo cơ chế NHTMCP có thể dẫn đến rủi ro về “vấn đề chủ sở hữu và người điều hành”. Có rất nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng người điều hành doanh nghiệp thường lạm quyền và hành động vì lợi ích của mình hơn là lợi ích của chủ sở hữu. Hiện tại cơ chế thẩm quyền của người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại NHTMCP này đang tỏ ra không phù hợp. Với vai trò quyết định, người đại diện phần vốn góp thường có thiên hướng tăng chi tiêu hoạt động. Tình trạng này có

thể thấy ở các doanh nghiệp Nhà nước nói chung, khi mới cổ phần hóa một phần, chủ tịch HĐQT thường có quyền hạn rất lớn (giữ rất nhiều chức quan trọng cùng một lúc). Tình trạng này dễ dẫn tới sự “lũng đoạn” về mặt tổ chức (trong cả Ban điều hành và bộ phận kiểm soát nội bộ) trong doanh nghiệp. Thực tế cho thấy, cơ chế này phần nào làm giảm vai trò kiểm soát nội bộ tại các NHTM. Do vậy, vấn đề cần kiểm soát tại các ngân hàng là cần kiểm soát nội bộ các vấn đề mâu thuẫn, xung đột lợi ích; kiểm soát nội bộ ngân hàng trong điều kiện sở hữu chéo, trong điều kiện hiện tượng “tập trung kinh tế cao” hay vấn đề “nhóm lợi ích”...

2. Một số gợi ý đối với công tác kiểm soát nội bộ tại NHTM

Những phân tích và các biểu hiện trên cho thấy, hiện nay rủi ro đối với NHTM dường như không thay đổi về tên và phân loại, tuy nhiên tính chất của chúng đã có những thay đổi và khác biệt đáng kể. Sự thay đổi này phù hợp với sự thay đổi về kinh tế, xã hội và bản thân hệ thống ngân hàng. Cụ thể tại Việt Nam, những thay đổi đáng chú ý như: mức độ phát triển của nền kinh tế Việt Nam; mức độ phát triển sâu và rộng của thị trường tài chính tiền tệ trong nước; mức độ hội nhập kinh tế quốc tế... Trong bối cảnh đó và do các yêu cầu đặt ra đối với hệ thống kiểm soát nội bộ ở các NHTM hiện nay, chúng tôi đưa ra một vài gợi ý như sau:

- Trong tiến trình cơ cấu lại hệ thống ngân hàng, cần quan tâm đặc biệt đến cơ cấu lại và nâng cao năng lực quản lý, giám sát rủi ro của hệ thống kiểm soát nội bộ theo hướng: Tăng cường năng lực chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo tính độc lập và tự chịu trách



nhiệm của hệ thống này.

- Quán triệt nguyên tắc tăng vốn cho ngân hàng trong thời gian tới (bất kể hình thức nào); hay mở rộng tín dụng, mở chi nhánh, triển khai nghiệp vụ mới... phải đi đôi với tăng cường quản trị mà trong đó có hệ thống kiểm soát nội bộ cần phải tăng cường tương xứng. Cần đảm bảo, quy mô ngân hàng về chi nhánh, về vốn và nghiệp vụ mới nhất thiết phải đủ lượng nhân viên kiểm soát nội bộ tối thiểu về biên chế và được cấp chứng chỉ nghiệp vụ.

- Đảm bảo đội ngũ kiểm soát viên nội bộ ngân hàng có đủ năng lực và đồng đều trong điều kiện hệ thống ngân hàng đang phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu. Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền liên quan cần đưa ra tiêu chuẩn nghề nghiệp về kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ tại các ngân hàng (với chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp tương ứng). Người thực hiện công tác kiểm soát nội bộ cần được đào

trào và cấp chứng chỉ. Đây được coi như chứng chỉ hành nghề đối với kiểm soát viên tại ngân hàng để đảm bảo yêu cầu về trình độ và năng lực; Các tổ chức tín dụng phải đảm bảo số lượng tối thiểu về kiểm soát viên, đảm bảo tính độc lập với việc bảo đảm mức thu nhập hợp lý cho kiểm soát viên... nhằm khuyến khích cán bộ làm ở vị trí này một cách trách nhiệm.

- Xây dựng và thiết lập văn hóa kiểm soát cẩn trọng trong hoạt động ngân hàng tại các ngân hàng: Do hoạt động ngân hàng là loại hình đặc thù, do đó cần phải đảm bảo rằng tất cả các khâu trong hoạt động ngân hàng ở các ngân hàng, ở các chi nhánh... phải có kiểm soát nội bộ và tách biệt với hoạt động kinh doanh trực tiếp của ngân hàng. Hàng năm, đội ngũ kiểm soát nội bộ phải được đào tạo, bồi dưỡng cập nhật về nghiệp vụ, giới thiệu về sản phẩm mới, tình hình rủi ro mới. Đối với người quản lý ngân hàng, từ cấp

phó giám đốc chi nhánh trở lên (đến Hội đồng quản trị ngân hàng), nhất thiết phải qua lớp kiểm soát nội bộ cho cấp quản lý, hoặc quản lý rủi ro ngân hàng ở mức tương xứng.

- Cần có nghiên cứu quy mô, đủ tầm đánh giá về vai trò của kiểm soát nội bộ tại các NHTM trong thời gian vừa qua, trên cơ sở đó có các đề xuất cụ thể về đổi mới phù hợp trong những năm tới. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. BIS 2006: "The Banking System in Emerging Economies: How Much Progress Has Been Made? (BIS, Paper No 28).
2. Chris Marrisom, 2002: Assets & Liability Management: <http://cafef.vn/thi-truong-chung-khoan/nam-muc-tieu-de-dua-hoan-len-tam-quoc-te-20120726031053152ca31.chn>
3. Hennie Van Greuning và Sonja Brajovic Bratnovic, 2003: "Analyzing and managing Bank Risk: a Framework for Assessing Corporate Governance and financial Risk" Second edition, WB, Washington D.C, 2003
4. IMF 2009: VietNam country report No. 09/110, April 2009
5. Một số tài liệu khác.